Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 3703.10.90

Mã HS	3703.10.90
Mô tả hàng hóa	Giấy, bìa và vật liệu dệt để tạo ảnh, có phủ lớp chất nhạy, chưa phơi sáng / - Ở dạng cuộn, có chiều rộng trên 610 mm: / - - Loại khác
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	05/11/2026 14:00:42
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/37031090/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	9	9%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K5259
Thuế NK ưu đãi (MFN)	6	6%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N5259
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q5259
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0,7	0,7%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0,7	0,7%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	4.2	4,2%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E5139
ATIGA	2022	2022	0	AT!E5100
ATIGA	2023	2023	0	AT!F5100
ATIGA	2024	2024	0	AT!G5100
ATIGA	2025	2025	0	AT!H5100
ATIGA	2026	2026	0	AT!I5100
ATIGA	2027	2027	0	AT!J5100
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E5144
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F5144

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G5144
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H5144
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I5144
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J5144
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E5142
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F5142
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G5142
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H5142
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I5142
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J5142
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F5142
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H5106
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F5102
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G5102
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H5102
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I5102
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J5102
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K5102
VKFTA	2022	2022	0	VK!E5111
VKFTA	2023	2023	0	VK!F5111
VKFTA	2024	2024	0	VK!G5111
VKFTA	2025	2025	0	VK!H5111
VKFTA	2026	2026	0	VK!I5111
VKFTA	2027	2027	0	VK!J5111
VCFTA	2022	2022	5	VC!D5149
VCFTA	2023	2023	5	VC!E5149

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F5149
VCFTA	2025	2025	0	VC!G5149
VCFTA	2026	2026	0	VC!H5149
VCFTA	2027	2027	0	VC!I5149
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D5146
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E5146
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F5146
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G5146
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H5146
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I5146
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D5154
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E5154
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F5154
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G5154
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H5154
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I5154
EVFTA	2022	2022	3,7	EV-NK!D5125
EVFTA	2023	2023	3	EV-NK!E5125
EVFTA	2024	2024	2,2	EV-NK!F5125
EVFTA	2025	2025	1,5	EV-NK!G5125
EVFTA	2026	2026	0,7	EV-NK!H5125
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I5125
UKVFTA	2022	2022	3,7	UKV!D5127
UKVFTA	2023	2023	3	UKV!E5127
UKVFTA	2024	2024	2,2	UKV!F5127
UKVFTA	2025	2025	1,5	UKV!G5127

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0,7	UKV!H5127
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I5127
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D5125
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E5125
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F5125
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G5125
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H5125
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I5125
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J5125
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D5146
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E5146
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F5146
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G5146
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H5146
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I5146
RCEP B	2022	2022	0	B!D5146
RCEP B	2023	2023	0	B!E5146
RCEP B	2024	2024	0	B!F5146
RCEP B	2025	2025	0	B!G5146
RCEP B	2026	2026	0	B!H5146
RCEP B	2027	2027	0	B!I5146
RCEP C	2022	2022	0	C!D5146
RCEP C	2023	2023	0	C!E5146
RCEP C	2024	2024	0	C!F5146
RCEP C	2025	2025	0	C!G5146
RCEP C	2026	2026	0	C!H5146

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I5146
RCEP D	2022	2022	0	D!D5146
RCEP D	2023	2023	0	D!E5146
RCEP D	2024	2024	0	D!F5146
RCEP D	2025	2025	0	D!G5146
RCEP D	2026	2026	0	D!H5146
RCEP D	2027	2027	0	D!I5146
RCEP E	2022	2022	0	E!D5149
RCEP E	2023	2023	0	E!E5149
RCEP E	2024	2024	0	E!F5149
RCEP E	2025	2025	0	E!G5149
RCEP E	2026	2026	0	E!H5149
RCEP E	2027	2027	0	E!I5149
RCEP F	2022	2022	0	F!D5146
RCEP F	2023	2023	0	F!E5146
RCEP F	2024	2024	0	F!F5146
RCEP F	2025	2025	0	F!G5146
RCEP F	2026	2026	0	F!H5146
RCEP F	2027	2027	0	F!I5146
VIFTA	2024	2024	5.4	VI!F4742
VIFTA	2025	2025	4.8	VI!G4742
VIFTA	2026	2026	4.2	VI!H4742
VIFTA	2027	2027	3.6	VI!I4742

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 3703.10 có 2 dòng thuế; dòng 3703.10.90 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	3703.10.10 Chiều rộng không quá 1.000 mm	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 3703.10.90. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 6% của mã 3703.10.90 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N5259), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.